

**CÔNG TY CỔ PHẦN LINGCOR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LINGCOR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LINGCOR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LINGCOR., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107458096

**3. Ngày thành lập:** 02/06/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3, ngõ 40, đường Ngô Quyền, tổ 5, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904 967 869

Fax:

Email: [info@lingcor.net](mailto:info@lingcor.net)

Website: <http://lingcor.net/http://lingcor.vn>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4741     |
| 2.  | Xuất bản phần mềm<br>Thực hiện các dịch vụ phần mềm:<br>Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;<br>Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;<br>Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;<br>Dịch vụ tích hợp hệ thống;<br>Dịch vụ đảm bảo an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin<br>Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm; | 5820     |
| 3.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5911     |
| 4.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Kinh doanh hàng hóa viễn thông;<br>Cung cấp dịch vụ viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6190     |
| 5.  | Lập trình máy vi tính<br>Hoạt động thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm, bao gồm sản xuất phần mềm đóng gói; sản xuất phần mềm theo đơn đặt hàng; sản xuất phần mềm nhúng; hoạt động gia công phần mềm và hoạt động cung cấp;                                                                                                                                           | 6201     |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6202     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6209     |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6311     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Cổng thông tin<br>Thiết lập website thương mại điện tử bán hàng;<br>Thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử;<br>Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử                                                                                               | 6312(Chính) |
| 10. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Dịch vụ phân phối, phát hành sản phẩm nội dung thông tin số;<br>Dịch vụ nhập, cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ và xử lý dữ liệu số;<br>Dịch vụ quản trị, duy trì, bảo dưỡng, bảo hành các sản phẩm nội dung thông tin số | 6329        |
| 11. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                                           | 3240        |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Đại lý dịch vụ viễn thông                                                                                                                                                                                                               | 4610        |
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                  | 4651        |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                   | 4652        |
| 15. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                              | 4791        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh                                                                                                                                                | 8299        |
| 17. | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                     | 8510        |
| 18. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                    | 8520        |
| 19. | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                      | 8531        |
| 20. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                 | 8532        |
| 21. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                     | 8541        |
| 22. | Đào tạo đại học và sau đại học                                                                                                                                                                                                                                       | 8542        |
| 23. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại<br>Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng<br>Dạy máy tính                                                                                                                               | 8559        |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                              | 8560        |
| 25. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Hoạt động cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử                                                                                                                                                               | 9329        |
| 26. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                             | 7020        |
| 27. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TUẤN ANH | Số 2, ngõ 88/65, phố Giáp Nhị, tổ 20, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 93.000     | 930.000.000           | 31,000    | B2557531                                                                                    |         |
|     |                 |                                                                                                                         | Tổng số           | 93.000     | 930.000.000           | 31,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM QUANG PHÚC | Số 13, đường La Thành, tổ dân phố La Thành, Phường Viên Sơn, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 81.000     | 810.000.000           | 27,000    | B5587942                                                                                    |         |
|     |                 |                                                                                                                         | Tổng số           | 81.000     | 810.000.000           | 27,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN ĐỨC THẮNG  | Số 07, ngõ 4 đường Nguyễn Văn Linh, tổ 2, Phường Xuân Hoà, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 57.000     | 570.000.000           | 19,000    | 135280264                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                                                         | Tổng số           | 57.000     | 570.000.000           | 19,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | BÙI MINH HIỀN   | Phòng 706, nhà CT5-Đơn nguyên 2, Khu đô thị mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    | 013129672                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                                                         | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000           | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | NGUYỄN ANH TUẤN | Số 3, ngõ 40, đường Ngô Quyền, Tổ dân phố 5, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 24.000     | 240.000.000           | 8,000     | 0010890057<br>47                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                                                         | Tổng số           | 24.000     | 240.000.000           | 8,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/12/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B2557531

Ngày cấp: 18/09/2008

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2, ngõ 88/65, phố Giáp Nhị, tổ 20, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 01, tầng 28, tháp đông tòa IPH, 241 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội